

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HOÀI NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 337/2024/DS-ST

Ngày 16/9/2024

V/v “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản  
”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Long Nhiên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Hoàng Diễm My

2. Ông Nguyễn Hữu Tô

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Xuân Diệu - Thư ký Tòa án Nhân dân thị xã Hoài Nhơn.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tham gia phiên tòa:***  
Ông Trương Văn Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2024/TLST-DS, ngày 07 tháng 3 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1048/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự,

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: B L, khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2024, lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Vào ngày 25/4/2020 bà Trần Thị T có cho bà Huỳnh Thị M hai lần tiền với tổng số tiền là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và bà M có hẹn đến ngày 25/4/2021 sẽ hoàn trả lại số tiền đã mượn trên. Ngày 25/3/2023 âm lịch hai bên có thống nhất ghi lại giấy nợ bà Huỳnh Thị M hiện còn nợ bà T số tiền 60.000.000đồng và hẹn trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng kể từ ngày 25/4/2023

âm lịch cho đến khi trả hết nợ. Kể từ khi viết lại giấy nhận nợ hẹn trả dần đến bà M vẫn không trả tiền và bà T đã nhiều lần yêu cầu bà M trả tiền nợ nhưng bà M vẫn không trả. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị M phải trả cho bà T số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), bà T không yêu cầu lãi suất.

*Bị đơn bà Huỳnh Thị M vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình tố tụng bà M trình bày:* Bà M thừa nhận vào ngày 25/4/2020 bà M có mượn của bà Trần Thị T 02 lần tiền tổng cộng 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) về để bỏ tồn đi biển và có hẹn đến ngày 25/4/2021 bà M sẽ hoàn trả lại số tiền để mượn trên; thời gian qua vì làm ăn thua lỗ nên không có tiền để trả nợ cho bà T. Sau nhiều lần thỏa thuận, bà M xin trả dần hàng tháng 2.000.000đồng cho đến khi hết nợ, bà M đã viết lại giấy nợ cho bà T1 ngày 25/3/2023 âm lịch và bà T hứa sẽ rút đơn khởi kiện tại Tòa. Nay bà T yêu cầu bà M phải trả số tiền 60.000.000đ đối với số tiền bà M đã viết giấy nợ ngày 25/4/2020 bà M không đồng ý, số tiền này bà M đã viết lại giấy nợ mới vào năm 2023 nên bà M chỉ chấp nhận trả nợ cho bà M theo giấy nhận nợ viết lại vào năm 2023 với số tiền 60.000.000đồng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Huỳnh Thị M phải trả cho bà Trần Thị T số tiền 60.000.000đồng.

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dân sự được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền vay còn nợ theo hợp đồng vay tài sản giữa bà Trần Thị T và bà Huỳnh Thị M do vậy xác định đây là tranh chấp dân sự, về quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn có nơi cư trú tại: Khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Hội đồng xét xử thấy rằng, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho bị đơn bà Huỳnh Thị M, tuy nhiên bà M vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà M là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Việc vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập sau ngày 01/01/2017 nên thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết. Bà M thỏa thuận trong giấy mượn tiền đến ngày 25/4/2021 Âm lịch sẽ trả hết số tiền đã mượn trên nhưng không thực hiện. Do vậy, bà T có quyền khởi kiện yêu cầu trả nợ đối với số tiền 60.000.000đồng theo quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự 2025.

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Ngày 25/4/2020 bà Trần Thị T với bà Huỳnh Thị M có giao kết hợp đồng dân sự, cụ thể bà T cho bà M vay 02 lần tiền với số tiền 40.000.000đ và 20.000.000đồng; tổng cộng là 60.000.000đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà Trần Thị T đã cung cấp cho Tòa án bản gốc 02 Giấy mượn tiền ngày 25/4/2020 âm lịch do bà Huỳnh Thị M ký tên xác nhận. Theo nội dung của Hợp đồng bà M có thỏa thuận thời hạn trả tiền là đến ngày 25/4/2021 âm lịch sẽ trả hết với số tiền tổng cộng là 60.000.000đồng, tuy nhiên đến 25/4/2021 Âm lịch đến nay bà M vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phát sinh tranh chấp. Tại phiên tòa bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bà M phải trả số tiền 60.000.000đồng, bà T không yêu cầu lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Huỳnh Thị M thống nhất về thời gian vay và số tiền bà đã vay của bà T là 60.000.000đồng nhưng sau đó bà T đã yêu cầu bà viết một giấy nợ khác vào năm 2023 và trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, bà M vẫn không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh đã trả một phần hay toàn bộ số tiền vay. Mặt khác, bà T thừa nhận bà M đã viết lại giấy nợ số tiền 60.000.000đồng và thỏa thuận trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng kể từ ngày 25/3/2023 âm lịch nhưng kể từ đó đến nay bà M vẫn không trả tiền cho bà T. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định việc bà M đã vay của bà T tổng cộng

60.000.000đồng là có thật và đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Từ những lập luận như trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để buộc bà Huỳnh Thị M phải trả cho bà Trần Thị T số tiền 60.000.000đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; và hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà T là phù hợp với quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T. Buộc bà Huỳnh Thị M phải trả cho bà Trần Thị T số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị M phải chịu 3.000.000đ (ba triệu đồng) sung vào công quỹ Nhà nước. Hoàn trả cho bà Trần Thị T 1.500.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006258 ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Long Nhiên**